

Số: /SGDĐT-KHTC

V/v hướng dẫn thực hiện
các khoản thu, chi trong trường học
năm học 2024-2025

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2024

Kính gửi:

- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố;
- Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT;
- Trường Phổ thông thực hành Sư phạm Tràng an.

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (sau đây gọi là Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi là Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT);

Căn cứ Văn bản số 2179/BGDĐT-KHTC ngày 13/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Nghị quyết số 104/2023/NQ-HĐND); Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi khoản 2 và bãi bỏ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-BGDĐT ngày 18/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về mức giá tối đa dịch vụ cung cấp phôi văn bằng, chứng chỉ không sử

dụng ngân sách nhà nước trong hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý; Quyết định số 16/QĐ-CNVB ngày 31/3/2021 của Trung tâm công nhận văn bằng, Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức giá dịch vụ cung cấp phôi văn bằng, chứng chỉ không sử dụng ngân sách nhà nước trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Văn bản số 1212/LN-GDDĐT-BHXH ngày 23/8/2024 của Liên ngành Giáo dục và Đào tạo - Bảo hiểm xã hội về việc triển khai BHYT học sinh, học viên năm học 2024-2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2024-2025 như sau:

Phần thứ nhất **CÁC KHOẢN THU**

A. ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

I. Khoản thu học phí năm học 2024-2025:

1. Mức học phí: Thực hiện theo Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Vùng Thành thị	Vùng Nông thôn	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi
1. Mầm non			
- Nhà trẻ	135.000	85.000	57.000
- Mẫu giáo	113.000	73.000	51.000
2. Trung học cơ sở	107.000	57.000	39.000
3. Trung học phổ thông	130.000	85.000	51.000
4. GDTX cấp THPT	130.000	85.000	51.000

2. Vùng áp dụng mức thu học phí: Thực hiện theo Nghị quyết số 104/2023/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

- Vùng thành thị: Học sinh có đăng ký thường trú tại các phường của thành phố Ninh Bình và thành phố Tam Điệp;

- Vùng nông thôn: Học sinh có đăng ký thường trú tại các xã, thị trấn của các huyện (trừ các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện Nho Quan) và các xã của thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp;

- Vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Học sinh có đăng ký thường trú tại các xã: Thạch Bình, Văn Phương, Yên Quang, Cúc Phương, Kỳ Phú, Phú Long, Quảng Lạc của huyện Nho Quan.

3. Thời gian thu học phí

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông học phí được thu tối đa 9 tháng/năm;

b) Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên học phí được thu theo số tháng thực học.

II. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập:

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

2. Đối cơ sở giáo dục thường xuyên công lập: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Lưu ý: Thu học tự chọn chỉ áp dụng đối với các đơn vị chưa có biên chế dạy môn tự chọn hoặc đã có biên chế nhưng chưa đủ định biên giáo viên để dạy môn tự chọn theo yêu cầu quy định. Trường hợp đơn vị đã có biên chế nhưng chưa đủ định biên giáo viên để dạy môn tự chọn theo yêu cầu quy định thì đơn vị được tính toán xác định số tiết để thu tiền trên nguyên tắc: Số tiết thu tiền = số tiết thực dạy - số tiết định mức nghĩa vụ của giáo viên biên chế; số tiết xác định thu phải cân đối phù hợp đối với các lớp, không dồn tập trung vào một lớp hoặc một số lớp để tạo sự công bằng trong thu, nộp.

3. Nguyên tắc thu

a) Các khoản thu, mức thu phải thực hiện thỏa thuận giữa nhà trường với cha mẹ học sinh hoặc người học; khoản thu và mức thu khi thực hiện không vượt quá mức tối đa đối với những khoản thu có quy định mức tối đa. Việc thỏa thuận thực hiện bằng văn bản.

b) Các khoản thu, mức thu phải phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở giáo dục, điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của cha mẹ học sinh và đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

c) Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung được ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

d) Tùy theo tình hình, điều kiện thực tế về việc tổ chức các dịch vụ phục vụ và các hoạt động giáo dục cần thiết khác tại mỗi cơ sở giáo dục; căn cứ vào nhu cầu của học sinh, thu nhập của cha mẹ học sinh mà mỗi cơ sở giáo dục cần thống nhất với cha mẹ học sinh về việc lựa chọn các dịch vụ và hoạt động giáo dục khác phù hợp theo nguyên tắc tự nguyện. Các cơ sở giáo dục không được tự áp đặt đối với học sinh, cha mẹ học sinh về việc sử dụng các dịch vụ phục vụ và tổ chức các hoạt động giáo dục khác khi chưa có sự đồng thuận, thống nhất giữa cơ sở giáo dục và cha mẹ học sinh. Mỗi khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục phải xây dựng toán chi cụ thể để làm cơ sở xác định mức thu đối với học sinh.

III. Khoản thu tiền cấp văn bằng, chứng chỉ

Giá phôi bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và bản sao từ sổ gốc Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, phôi Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở và bản sao từ sổ gốc Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, phôi giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông và phôi chứng chỉ các loại là: 5.000 đồng/chiếc.

IV. Tài trợ của tổ chức, cá nhân

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1405/SGDDĐT-KHTC ngày 30/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. Các khoản thu khác

1. Bảo hiểm thân thể cho học sinh

Đây là khoản thu tự nguyện, cha mẹ học sinh có quyền lựa chọn các loại hình bảo hiểm vì vậy không được đưa khoản thu này là khoản thu bắt buộc trong nhà trường. Nhà trường tạo điều kiện và phối hợp với các tổ chức bảo hiểm triển khai thực hiện công tác bảo hiểm cho học sinh, chú trọng công tác tuyên truyền vận động học sinh tự nguyện tham gia, góp phần bảo vệ chăm sóc sức khỏe học sinh. Khoản thu này do tổ chức bảo hiểm thu.

2. Bảo hiểm y tế cho học sinh

Thực hiện theo Văn bản số 1212/LN-GDĐT-BHXH ngày 23/8/2024 của Liên ngành Giáo dục và Đào tạo - Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình về việc triển khai Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2024-2025.

3. Quỹ Đoàn, Đội

Do các tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường thu, chi và quản lý, mức thu thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn số 01-HD/TĐTN-SGD&ĐT ngày 26/9/2017 của Tỉnh Đoàn - Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và quản lý quỹ Đoàn, Đội trong trường học.

4. Đồng phục học sinh

Thực hiện theo Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên. Căn cứ kế hoạch của nhà trường, được cha mẹ học sinh đồng thuận về chủ trương, Hiệu trưởng quyết định việc mặc đồng phục và quy định kiểu dáng, màu sắc, số ngày mặc đồng phục trong tuần. Phụ huynh học sinh hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức việc may hoặc mua đồng phục cho học sinh theo kế hoạch đã thống nhất với nhà trường.

B. ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP

Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ngoài công lập được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, có trách nhiệm công khai, giải trình với người học và xã hội về mức thu học phí và giá các dịch vụ do cơ sở giáo dục tự quyết định.

C. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh lấy từ nguồn đóng góp của cha mẹ học sinh (*không quy định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh*); nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện cha mẹ học sinh:

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp có được từ sự ủng hộ tự nguyện của cha mẹ học sinh và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp.

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được trích từ kinh phí hoạt động của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp theo khuyến nghị của cuộc họp toàn thể các trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp đầu năm học và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện học sinh trường.

Ban đại diện cha mẹ học sinh không được quyên góp của người học hoặc gia đình người học các khoản ủng hộ không theo nguyên tắc tự nguyện; không phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh như: Bảo vệ cơ sở vật chất của nhà trường, bảo đảm an ninh nhà trường; trông coi phương tiện tham gia giao thông của học sinh; vệ sinh lớp học, vệ sinh trường; khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường; mua sắm máy móc, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường, lớp học hoặc cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường; hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình của nhà trường.

Phần thứ hai

CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC CHI TRẢ

I. Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, trong đó trẻ em mầm non 5 tuổi kể từ 01/9/2024 được miễn học phí theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

II. Quy trình thủ tục thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và phương thức chi trả

Thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Phần thứ ba

QUY ĐỊNH VỀ CHI

A. ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

I. Học phí

Các cơ sở giáo dục thực hiện trích tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

II. Các khoản chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Đối với khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức tối đa.

1.1. Tiền trông giữ xe đạp, xe máy tại trường học

Nội dung chi: Chi trả tiền công cho nhân viên bảo vệ trông giữ xe và chi phí có liên quan khác đến việc đảm bảo an ninh, an toàn xe đạp, xe máy tại trường học; chi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định (gồm: Thuế giá trị gia tăng theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 13, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 5, điều 3 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính)

Mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

1.2. Tổ chức ăn bán trú

a) Tiền ăn: Bao gồm các khoản chi phí mua chất đốt, lương thực, thực phẩm, gia vị, nước rửa bát và chi phí khác có liên quan đến việc tổ chức ăn tại trường.

b) Tiền chăm sóc bán trú đối với cấp học mầm non, tiểu học: Bao gồm tiền chi bồi dưỡng trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên được phân công và tiền thuê người nấu ăn (không bao gồm kinh phí đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ, các nguồn kinh phí khác đã được bố trí trong dự toán của đơn vị).

c) Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú đối với cấp học mầm non, tiểu học:

- Thu lần đầu tuyển mới vào trường (đầu cấp): Chi phí mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn (xoong, nồi, bát, đĩa, dao, thớt, rổ, rá, giá để bát đĩa, cối xay thịt, cối xay cua, chảo, lò vi sóng, nồi nấu cơm ga, tủ nấu cơm ga, nồi nấu cơm điện, nồi nấu cháo điện, bếp ga, bếp điện, bếp từ, xe đẩy thức ăn, dụng cụ chia đồ ăn, máy sấy bát, máy giặt đồ dùng của trẻ và các đồ dùng, dụng cụ khác liên quan đến phục vụ nấu ăn); Chi phí mua đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú (khăn mặt, ca, cốc, xô vệ sinh, bát, thìa, chĩa, chiếu, gối, đệm, thảm trải sàn mùa đông và đồ dùng cá nhân khác).

- Thu bổ sung hàng năm để đầu tư thay thế dụng cụ, đồ dùng nhà bếp, đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú (nếu có): Dụng cụ, đồ dùng nhà bếp (xoong, nồi, bát, đĩa, dao, thớt, rổ, rá, giá để bát đĩa, cối xay thịt, cối xay cua, chảo, lò vi sóng, nồi nấu cơm ga, tủ nấu cơm ga, nồi nấu cơm điện, nồi nấu cháo điện, bếp ga, bếp điện, bếp từ, xe đẩy thức ăn, dụng cụ chia đồ ăn, máy sấy bát, máy giặt đồ dùng của trẻ và các đồ dùng, dụng cụ khác liên quan đến phục vụ nấu ăn); đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú (khăn mặt, ca, cốc, xô vệ sinh, bát, thìa, chĩa, chiếu, gối, đệm, thảm trải sàn mùa đông và đồ dùng cá nhân khác).

Hàng năm, vào thời điểm đầu năm học các cơ sở giáo dục thành lập ban kiểm tra, rà soát, kiểm kê các đồ dùng, dụng cụ nhà bếp và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú. Xác định nhu cầu cần mua sắm bổ sung trong năm học và lập dự toán kinh phí mua sắm, bàn bạc, thống nhất với cha mẹ học sinh. Trên cơ sở dự toán mua sắm đã thống nhất, xác định mức thu và thỏa thuận với cha mẹ học sinh đảm bảo mức thu phù hợp đối tượng học sinh tuyển đầu cấp và học sinh đang theo học tại trường.

1.3. Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non công lập vào các ngày nghỉ, ngày hè, ngoài giờ hành chính

a) Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ vào các ngày nghỉ thứ 7, ngày hè

Nội dung chi: Bao gồm chi phí bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên nấu ăn, nhân viên khác được phân công và các chi phí khác có liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

Cơ cấu chi, mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

b) Trông trẻ ngoài giờ hành chính (từ sau 17h00 hàng ngày): Chi phí công tác quản lý và bồi dưỡng giáo viên trực tiếp trông giữ trẻ ngoài giờ.

1.4. Thẻ học sinh: Chi phí thực tế làm thẻ cho học sinh.

1.5. Làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo, học sinh lớp 1, 2 và dạy học tiếng Anh đối với học sinh phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12.

a) Làm quen Tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo, học sinh lớp 1, 2 (giáo viên là người Việt Nam)

- Đối với trẻ mẫu giáo: Việc tổ chức làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình làm quen Tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo. Nội dung chi bao gồm chi phí thực tế thuê giáo viên hợp đồng để giảng dạy; chi phí cho công tác quản lý tại nhà trường tối đa là 15% và các chi phí khác có liên quan (*tiền điện, nước, tài liệu*) tối đa là 10%. Cơ cấu chi, mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

- Đối với học sinh lớp 1, 2: Việc tổ chức làm quen tiếng Anh đối với học sinh lớp 1, 2 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình giáo dục phổ thông. Nội dung chi bao gồm chi phí thực tế thuê giáo viên hợp đồng để giảng dạy; chi phí cho công tác quản lý tại nhà trường tối đa là 15% và các chi phí khác có liên quan (*tiền điện, nước, tài liệu*) tối đa là 10% . Cơ cấu chi, mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

Trường hợp nhà trường bố trí, phân công giáo viên trong biên chế của nhà trường để tổ chức dạy làm quen tiếng Anh đối với học sinh lớp 1, 2. Nội dung chi bao gồm: Chi thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (chỉ tính chi trả đối với giáo viên dạy vượt giờ nghĩa vụ, số tiền chi trả vượt giờ dạy thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập); chi phí công tác quản lý của nhà trường tối đa là 15% và các chi phí khác có liên quan (*tiền điện, nước, tài liệu*) tối đa là 10% .

b) Làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo, học sinh lớp 1,2 và dạy học tiếng Anh đối với học sinh phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12 (giáo viên là người nước ngoài)

Nội dung chi: Bao gồm chi phí thực tế thuê giáo viên hợp đồng để giảng dạy, chi phí cho công tác quản lý tại nhà trường và các chi phí khác có liên quan.

Cơ cấu chi, mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

1.6. Dạy thêm, học thêm

- Nội dung chi: Bao gồm chi phí trả thù lao cho giáo viên trực tiếp dạy thêm; chi công tác quản lý dạy thêm, học thêm của nhà trường; chi tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm.

- Cơ cấu chi, định mức chi: Do nhà trường thống nhất và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

1.7. Làm quen Tin học đối với học sinh lớp 1, 2

Việc tổ chức làm quen Tin học đối với học sinh lớp 1, 2 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành chương trình giáo dục phổ thông. Nội dung chi bao gồm chi phí thực tế thuê giáo viên hợp đồng để giảng dạy; chi phí cho công tác quản lý tại nhà trường tối đa là 15% và các chi phí khác có liên quan (tiền điện, nước, tài liệu) tối đa là 10%. Cơ cấu chi, mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

Trường hợp nhà trường bố trí phân công giáo viên trong biên chế của nhà trường để tổ chức dạy làm quen Tin học đối với học sinh lớp 1, 2. Nội dung chi bao gồm: chi thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (chỉ tính trả tiền giờ dạy cho giáo viên có số tiết dạy vượt giờ nghĩa vụ, mức chi trả vượt giờ được tính theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập); chi phí công tác quản lý của nhà trường tối đa là 15% và các chi phí khác có liên quan (tiền điện, nước, tài liệu) tối đa là 10%.

1.8. Học phẩm phục vụ các kỳ thi, kiểm tra:

Bao gồm chi phí thực tế mua giấy thi, giấy nháp, photo đề thi phục vụ các kỳ thi, kiểm tra trong năm học.

1.9. Vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh: Bao gồm các chi phí thực tế tiền công hợp đồng thuê người quét dọn, vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh; chi phí mua sắm đồ dùng, dụng cụ vệ sinh (gang tay, chổi, xô, chậu, nước vệ sinh, giấy vệ sinh, xà phòng, nước tẩy vệ sinh, nước lau sàn, nước rửa tay dùng trong nhà vệ sinh, nước sát khuẩn) và các chi phí khác có liên quan.

Mức chi do các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

1.10. Nước uống, nước sinh hoạt cho học sinh (không bao gồm trường THPT Dân tộc nội trú): Bao gồm chi phí thực tế tiền nước uống, nước sinh hoạt và

các chi phí khác trực tiếp có liên quan đến việc cung cấp nước uống, nước sinh hoạt cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông tại trường.

Mức chi do các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

1.11. Tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày (sinh hoạt câu lạc bộ, giáo dục kỹ năng sống) do nhà trường tổ chức thực hiện đối với học sinh tiểu học đến thời điểm được cha mẹ đón về nhà (đối với các trường tiểu học tổ chức dạy 02 buổi/ngày, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định tại Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).

a) Nguyên tắc, quỹ thời gian tổ chức:

- Việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về. Quỹ thời gian để tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức buổi 2 trong ngày được xác định là 60 phút (từ 16h00 khi kết thúc tiết học thứ 3 đến 17h00 khi cha mẹ học sinh đón về nhà) tương ứng với 1,5 tiết.

- Việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày, căn cứ nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí sau giờ học chính thức trong ngày được thực hiện trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc tổ chức các hoạt động này phải được xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm cụ thể với yêu cầu đảm bảo an toàn, hiệu quả, theo đúng mục tiêu đã đề ra.

- Việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống ngoài giờ chính khóa không thuộc chương trình, kế hoạch giáo dục do các cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt, thực hiện theo quy định của Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

b) Nội dung chi: Bao gồm chi phí trả thù lao cho giáo viên trực tiếp tổ chức các hoạt động, chi công tác quản lý của nhà trường và các chi phí khác trực tiếp có liên quan.

c) Cơ cấu chi, định mức chi: Do nhà trường thống nhất và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

1.12. Môn học tự chọn

- Nội dung chi: Bao gồm chi phí trả thù lao cho giáo viên trực tiếp dạy môn học tự chọn; chi công tác quản lý; chi trả tiền điện, nước, vệ sinh, mua sắm tài liệu, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy môn học tự chọn.

- Cơ cấu chi, định mức chi: Do đơn vị thống nhất và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Đối với khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức tối đa

a) Nội dung chi:

- Tiền điện phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh: Bao gồm chi phí thực tế điện năng tiêu hao do sử dụng các thiết bị điện điều hòa, quạt mát, bình nóng lạnh, điện chiếu sáng cho học sinh; chi phí mua sắm, sửa chữa các thiết bị điện phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh.

- Tiền xe đưa đón học sinh: Chi phí thuê phương tiện đưa, đón học sinh từ nhà đến trường và ngược lại theo hợp đồng ký kết.

- Sổ liên lạc điện tử, sổ theo dõi trẻ điện tử: Chi phí thực tế phải trả do sử dụng dịch vụ, nhà trường, cha mẹ trẻ đã thống nhất với nhà cung cấp trên cơ sở hợp đồng hoặc văn bản đã được thống nhất.

- Sách giáo khoa, tài liệu, đồ dùng, đồ chơi và học liệu: Chi phí mua sách, tài liệu theo giá bìa hoặc giá bán của nhà cung cấp; chi phí mua đồ dùng, đồ chơi và học liệu theo giá bán của nhà cung cấp phù hợp với giá cả thị trường.

- Dạy kỹ năng sống đối với học sinh phổ thông (do tổ chức được cấp phép triển khai tại nhà trường): Chi phí thực tế phải trả cho bên cung cấp dịch vụ theo hợp đồng ký kết giữa nhà trường và bên cung cấp dịch vụ.

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp: Thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nội dung chi bao gồm: chi phí trả thù lao cho giáo viên trực tiếp tổ chức các hoạt động, chi công tác quản lý của nhà trường và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức các hoạt động. Cơ cấu chi, mức chi do các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường: Bao gồm toàn bộ chi phí tổ chức hoạt động trải nghiệm như: tiền thuê phương tiện đi lại, tiền ăn, tiền ngủ và các khoản chi phí khác phục vụ trực tiếp hoạt động trải nghiệm.

- Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của người học: Bao gồm chi phí trả thù lao cho giáo viên trực tiếp dạy; chi công tác quản lý; chi trả tiền điện, nước, vệ sinh, mua sắm tài liệu, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy ngoại ngữ, tin học. Cơ cấu chi, định mức chi do đơn vị thống nhất và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Tổ chức thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin: Bao gồm chi tiền công cho các thành viên tham gia công tác chuẩn bị thi, ra đề thi, sao in đề thi, coi thi, chấm thi, thanh tra thi và các chi phí khác phục vụ tổ chức thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Cơ cấu chi, định mức chi do đơn vị thống nhất và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Nguyên tắc chi: Đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, quyết toán chi là toàn bộ chi phí thực tế đã thực hiện, được công khai, minh bạch trong nhà trường và cha mẹ học sinh.

II. Khoản thu tiền cấp văn bằng, chứng chỉ các loại:

Để mua phôi bằng tốt nghiệp, phôi bản sao từ sổ gốc Bằng tốt nghiệp, phôi giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông và phôi chứng chỉ các loại.

III. Khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân

Thực hiện theo Công văn số 1405/SGDDĐT-KHTC ngày 30/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. Các khoản khác

1. Khoản thu theo quy định của các tổ chức

Bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế, quỹ đoàn, quỹ đội: Nội dung chi, định mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hoặc hướng dẫn riêng của từng tổ chức thu. Không được thu thêm hoặc thu cao hơn mức đã được quy định của các tổ chức thu.

2. Đồng phục học sinh

Các trường học quy định thống nhất kiểu dáng, màu sắc ổn định để học sinh có thể sử dụng cho nhiều năm học. Trường hợp cần có sự thay đổi về kiểu dáng, màu sắc đồng phục phải được sự đồng ý của Hội đồng trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức may hoặc mua đồng phục theo hình thức phù hợp.

B. ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP

Các cơ sở giáo dục ngoài công lập sử dụng học phí và giá các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) theo nguyên tắc tự bảo đảm thu, chi và chịu trách nhiệm về quản lý tài chính đối với hoạt động của mình. Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

C. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH

- Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp chủ trì phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp dự kiến kế hoạch chi tiêu kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chỉ sử dụng sau khi đã được toàn thể các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp thống nhất ý kiến.

- Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất với Hiệu trưởng để quyết định kế hoạch sử dụng kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chỉ sử dụng sau khi được toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất ý kiến.

- Việc thu, chi kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh do Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường thu và quản lý sử dụng. Trường hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhờ nhà trường thu và giữ hộ, yêu cầu phải có văn bản đề nghị của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Việc thu, chi và quản lý kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh phải bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ; sau khi chi tiêu phải

báo cáo công khai quyết toán kinh phí tại các cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp và các cuộc họp toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường.

Phần thứ bốn
CÔNG TÁC TỔ CHỨC THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG
CÁC KHOẢN THU TRONG TRƯỜNG HỌC

1. Công tác tổ chức thu học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện việc thu qua tài khoản (không dùng tiền mặt) theo hướng dẫn tại Công văn số 952/SGDĐT-KHTC ngày 12/7/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thanh toán học phí và các khoản dịch vụ giáo dục theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Khi thu phải viết hóa đơn thu cho học sinh theo quy định;

- Thu định kỳ hàng tháng (trừ các khoản thu theo năm hoặc thu một lần), nếu người học tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học.

2. Đối với mỗi khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục, các cơ sở giáo dục phải xây dựng dự toán thu, chi đồng thời tổ chức công khai, thống nhất và thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ học sinh làm căn cứ triển khai thực hiện. Phân kỳ các khoản thu hợp lý trong năm học để phù hợp với khả năng đóng nộp của học sinh và cha mẹ học sinh.

3. Tất cả các khoản thu, chi tại đơn vị phải theo dõi, cập nhật, hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác vào hệ thống sổ kế toán, báo cáo tài chính của đơn vị, (không được để ngoài sổ kế toán). Các khoản chi phải chấp hành đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn do các cơ quan có thẩm quyền ban hành; sử dụng các nguồn kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

4. Thực hiện công khai các khoản thu, chi tài chính tại đơn vị theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo giao Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố hướng dẫn việc thực hiện đồng thời thường xuyên kiểm tra công tác thu, chi, quản lý và sử dụng các khoản thu đối với các trường mầm non, tiểu học, THCS và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn; tham mưu UBND các huyện, thành phố kịp thời chấn chỉnh tình trạng lạm thu, xử lý nghiêm theo quy định đối với đơn vị, cá nhân, người đứng đầu cơ sở giáo dục có sai phạm. Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổng hợp các khoản thu đầu năm học báo cáo UBND các huyện, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 01/10/2024.

6. Thủ trưởng các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện các khoản thu, chi trong đơn vị mình quản lý.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2024-2025. Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc, trong quá trình thực hiện nếu có những thay đổi, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lãnh đạo HĐND tỉnh;
 - UBND tỉnh;
 - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
 - Ban VHXH HĐND tỉnh;
 - Sở Tài chính;
 - UBND các huyện, TP;
 - Các đ/c lãnh đạo Sở GDĐT;
 - Các phòng thuộc Sở GDĐT;
 - Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
 - Trang Web Sở GDĐT;
 - Lưu VT, KHTC.
- } (để báo cáo)
- } (để phối hợp)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Thị Khuyên